TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 429/2020/DS-PT
Ngày: 17 - 9 - 2020
V/v Tranh chấp thừa kế tài sản, Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Bà Trần Thị Thúy Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiếu Phương Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 402/2018/TLPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2018 về "Tranh chấp thừa kế tài sản, Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3488/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Đào NĐ, sinh năm 1968 (có mặt);

Đia chỉ: Số 75 Đường Q, phường A1, thành phố A, tỉnh Bình Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Đào NĐ:

Luật sư Phan M, Công ty Luật Bến Thành – Hà Nội, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Đào BĐ, sinh năm 1956 (có mặt);

Địa chỉ: E2 – 9+10 khu dân cư Văn Thánh 3, phường A2, thành phố A, tỉnh Bình Thuận.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Đào NLQ1, sinh năm 1957 (có mặt);

2. Bà Lương Thị Ngọc NLQ2, sinh năm 1954 (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lương Thị Ngọc NLQ2: Ông Nguyễn Đào NLQ1 (giấy ủy quyền ngày 22/10/2019).

Cùng địa chỉ: Số 75 Đường Q, phường A1, thành phố A, tỉnh Bình Thuận

3. Ông Nguyễn Đào NLQ3, sinh năm 1958 (có mặt);

Địa chỉ: Số 491/5/16 Nguyễn Đình Chiểu, phường 2, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Nguyễn Thị Thu NLQ4, sinh năm 1960 (có mặt);

Địa chỉ: Số 46 Quốc lộ 62, phường 2, thị xã Tân An, tỉnh Long An.

5. Bà Nguyễn Thị Diệu NLQ5 (Bùi Thi Diệu NLQ5), sinh năm 1962

Địa chỉ: 20209 Mustang Island Cir Plugerville, TX 78660, USA

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Diệu NLQ5: Ông Nguyễn Đào NLQ6, sinh năm 1963 (có mặt);

Địa chỉ: Số 70B Thủ Khoa Huân, phường Bình Hưng, thành phố A, tỉnh Bình Thuận

6 . Ông Nguyễn Đào NLQ6, sinh năm 1963 (có mặt);

Địa chỉ: Số 70B Thủ Khoa Huân, phường Bình Hưng, thành phố A, tỉnh Bình Thuận.

7. Bà Nguyễn Thị Ánh NLQ7, sinh năm 1965 (vắng mặt);

Địa chỉ: 549/44 Nguyễn Đình Chiểu, phường 2, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Ánh NLQ7:

Ông Nguyễn Đào NLQ6, sinh năm 1963 (có mặt);

Địa chỉ: Số 70B Thủ Khoa Huân, phường Bình Hưng, thành phố A, tỉnh Bình Thuận

8. Ông Nguyễn Đào NLQ8, sinh năm 1966 (có mặt);

Địa chỉ: Số 97/6 Nam Châu, phường 11, quận A4, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Ông Nguyễn Đào Vĩnh NLQ9, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: Số 491/5/16 Nguyễn Đình Chiểu, phường 2, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Bà Nguyễn Thị NLQ10, sinh năm 1955 (có mặt);

11. Anh Nguyễn Đào Vĩnh NLQ11, sinh năm 1989 (có mặt);

12. Anh Nguyễn Đào Vĩnh NLQ12, sinh năm 1993 (có mặt);

13. Chị Nguyễn Thị Xuân NLQ13, sinh năm 1999 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Số 222 Võ Thị Sáu, Khu phố 4, phường Hưng Long, thành phố A, tỉnh Bình Thuận.

14. Phòng công chứng số 1 tỉnh Bình Thuận.

Địa chỉ: Sở tư pháp tỉnh Bình Thuận số 06 Nguyễn Tất Thành, A, Bình Thuận.

Người đại diện hợp pháp của Phòng công chứng số 1 tỉnh Bình Thuận: Bà Hoàng Thị Y, chức vụ: Công chứng viên, là người đại diện theo ủy quyền (Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: Bị đơn là ông Nguyễn Đào BĐ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đào NLQ6, bà Nguyễn Thị Thu NLQ4.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Nguyễn Đào NĐ trình bày:

Cha mẹ của ông là cụ Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Thị H có 10 người con chung gồm:

1. Ông Nguyễn Đào H1 (chết năm 2009) có vợ là bà Nguyễn Thị NLQ10 và 04 người con là anh Nguyễn Đào Vĩnh NLQ9, anh Nguyễn Đào Vĩnh NLQ11, anh Nguyễn Đào Vĩnh NLQ12, chị Nguyễn Thị Xuân NLQ13;

2. Ông Nguyễn Đào BĐ;

3. Ông Nguyễn Đào NLQ1;

4. Ông Nguyễn Đào NLQ3;

5. Bà Nguyễn Thị Thu NLQ4

6. Ông Nguyễn Đào NLQ6;

7. Ông Nguyễn Đào NLQ8

8. Bà Nguyễn Thị Ánh NLQ7,

9. Bà Nguyễn Thị Diệu NLQ5 (Bùi Thị Diệu NLQ5);

10. Và ông là Nguyễn Đào NĐ.

Vào ngày 28/4/1960, bà nội ông là cụ Từ Thị T1 làm bản "*Phân thơ*" chia cho cha ông là Nguyễn Văn Đ căn nhà số 75 Gia Long, ấp A1, A, nay là số 75 Đường Q, A, Bình Thuận; bản phân thờ này được chính quyền cũ xác nhận. Năm 1990 cha ông chết không để lại di chúc về căn nhà này; sau đó mẹ ông là người đứng tên để làm nghĩa vụ đóng thuế nhà đất với Nhà nước. Các anh chị của ông trưởng thành có gia đình và ra ở riêng. Ông ở cùng với cha mẹ trong căn nhà này từ nhỏ đến lớn, đến khi lấy vợ năm 2003 thì vẫn tiếp tục ở chung với mẹ và là người trực tiếp ở bên cạnh chăm sóc, nuôi dưỡng mẹ lúc già yếu cho đến khi mẹ ông chết. Nhà cửa hư hỏng ông là người sửa chữa, đắp vá, tôn tạo giữ gìn. Ngày 31/3/2005, mẹ ông chết cũng không để lại di chúc về căn nhà này. Ông tiếp tục quản lý, sử dụng nhà 75 Đường Q, A và làm nghĩa vụ đóng thuế nhà đất với Nhà nước.

Trước khi ông làm đơn khởi kiện, anh chị em trong gia đình có họp thống nhất giá căn nhà 75 Đường Q, A là giá 4,5 tỷ đồng và giao cho ông sở hữu, ông phải hoàn tiền lại với cho 08 anh chị em còn sống, mà không có vợ con ông H1 (đã chết), nhưng ông không đồng ý, vì theo ông thì vợ con ông H1 cũng phải được hưởng 01 phần thừa kế của ông H1. Do các anh, chị trong gia đình không thỏa thuận được nên ông yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với ngôi nhà 75 Đường Q, A, Bình Thuận theo giá mà Công ty cổ phần tư vấn và thẩm định giá Đông Nam đã định là 5.725.353.000 đồng cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cha, mẹ ông.

Ông yêu cầu tính công sức đóng góp vào di sản thừa kế và trích một phần để thờ cúng ông bà, cha mẹ bằng 10% tổng giá trị nhà và đất số 75 Đường Q là 572.535.000 đồng trước khi chia thừa kế theo pháp luật.

Còn về yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu: Sau khi mẹ ông chết, ông có lục trong tủ thì thấy một số giấy tờ liên quan đến nhà số 75 Đường Q, A, như:

- Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ngày 05/4/2004 đối với nhà số 75 Đường Q, A, tỉnh Bình Thuận đứng tên bà Nguyễn Thị H có xác nhận của Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) phường A1, thành phố A, tỉnh Bình Thuận ngày 08/4/2004.

- Thông báo niêm yết thỏa thuận phân chia di sản ngày 08/6/2004 và nội dung thỏa thuận phân chia ngày 22/6/2004 của Phòng công chứng số 01 tỉnh Bình Thuận đối với nhà số 75 Đường Q, A, tỉnh Bình Thuận.

Sau khi xem xét, ông thấy văn bản thỏa thuận phân chia di sản không phải

do mẹ ông lập, mà do các anh chị ông tự làm, ông không biết và không ký vào văn bản này. Nên ông yêu cầu: Tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia di sản được niêm yết ngày 22/6/2004 là văn bản công chứng vô hiệu.

Bị đơn ông Nguyễn Đào BĐ trình bày:

Ông thống nhất với lời khai của ông Nguyễn Đào NĐ về di sản do cha mẹ chết để lại và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cha mẹ ông gồm 09 anh, chị, em và vợ con ông H1 như ông NĐ đã khai.

Trước khi chết, mẹ ông có để lại di chúc giao cho ông căn nhà số 75 Đường Q, thành phố A để làm nơi thờ cúng ông bà, cha mẹ; nhưng các em ông không đồng ý với bản di chúc này. Nên ông cũng đồng ý chia di sản thừa kế của cha mẹ ông là căn nhà số 75 Đường Q, thành phố A theo pháp luật cho anh em ông, căn cứ vào giá mà Công ty trách nhiệm hữu hạn thẩm định giá BTA Việt Nam đã định giá là 7.103.001.000 đồng.

Ông không đồng ý tính công sức đóng góp theo yêu cầu của ông NĐ, vì trong quá trình sử dụng ông NĐ không sửa chữa, tôn tạo gì đối với căn nhà này.

Còn về yêu cầu tuyên bố văn công chứng vô hiệu của ông NĐ, ông không biết gì về văn bản này, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đào NLQ1 trình bày:

Thống nhất với trình bày của ông Nguyễn Đào BĐ về di sản do cha mẹ chết để lại và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cha mẹ ông gồm 09 anh chị em và vợ con ông H1 như ông BĐ trình bày.

Ông đồng ý chia di sản thừa kế của cha mẹ ông là căn nhà số 75 Đường Q, thành phố A theo pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cha mẹ ông theo giá mà Công ty trách nhiệm hữu hạn thẩm định giá BTA Việt Nam đã định giá là 7.103.001.000 đồng.

Không đồng ý yêu cầu tính công sức đóng góp theo yêu cầu của ông NĐ, vì ông NĐ không đóng góp công sức gì trong việc nuôi dưỡng mẹ ông lúc già yếu cho đến khi mất và ông NĐ cũng không sửa chữa gì trong ngôi nhà này.

Còn về yêu cầu tuyên bố văn công chứng vô hiệu của ông NĐ, ông không biết gì về văn bản này, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đào NLQ6, bà Nguyễn Thị Thu NLQ4, bà Nguyễn Thị Diệu NLQ5 (do ông NLQ6 đại diện), bà Nguyễn Thị Ánh NLQ7 trình bày:

Thống nhất với trình bày của ông Nguyễn Đào BĐ về di sản do cha mẹ chết để lại và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cha mẹ gồm 09 anh chị em và vợ con ông H1 như ông BĐ khai.

Các ông, bà đồng ý chia di sản thừa kế của cha mẹ ông bà là căn nhà số 75 Đường Q, thành phố A theo pháp luật với hình thức đấu giá nhưng không giao quyền sở hữu căn nhà này cho ông Nguyễn Đào NĐ.

Các ông, bà không đồng ý tính công sức đóng góp theo yêu cầu của ông NĐ vì ông NĐ không đóng góp công sức gì trong việc nuôi dưỡng mẹ lúc già yếu cho đến khi chết và cũng không tu sửa, tôn tạo gì trong căn nhà này.

Còn về yêu cầu tuyên bố văn công chứng vô hiệu của ông NĐ, các ông, bà không biết gì về văn bản này, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đào NLQ3 trình bày:

Thống nhất với trình bày của ông Nguyễn Đào NĐ về những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cha mẹ ông gồm 09 anh chị em và vợ con ông H1 như ông NĐ khai.

Ông đồng ý chia di sản thừa kế của cha mẹ ông là căn nhà số 75 Đường Q, thành phố A theo pháp luật với giá 6.000.000.000 đồng, nhưng ông NĐ phải từ bỏ yêu cầu tính 10% công sức đóng góp.

Ông không biết gì về Văn bản thỏa thuận phân chia di sản đối với nhà số 75 Đường Q, A, tỉnh Bình Thuận. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đào NLQ8 trình bày:

Thống nhất với trình bày của ông Nguyễn Đào NĐ về di sản thừa kế, về những người thừa kế như ông NĐ khai.

Ông đồng ý chia di sản thừa kế của cha mẹ ông bà là căn nhà số 75 Đường Q, thành phố A theo giá thị trường và chia đều cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cha mẹ ông.

Không biết gì về Văn bản thỏa thuận phân chia di sản đối với nhà số 75 Đường Q, A, tỉnh Bình Thuận. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị NLQ10, anh Nguyễn Đào Vĩnh NLQ9, anh Nguyễn Đào Vĩnh NLQ11, anh Nguyễn Đào Vĩnh NLQ12, chị Nguyễn Thị Xuân NLQ13 trình bày:

Bà và các anh chị là vợ và con của ông Nguyễn Đào H1 chết năm 2009.

Thống nhất với trình bày của ông Nguyễn Đào NĐ về di sản thừa kế, về những người thừa kế như ông NĐ khai.

Đồng ý chia di sản thừa kế căn nhà số 75 Đường Q, thành phố A với giá 6.000.000.000 đồng, nhưng ông NĐ phải từ bỏ yêu cầu tính 10% công sức đóng góp.

Không biết gì về Văn bản thỏa thuận phân chia di sản đối với nhà số 75 Đường Q, A, tỉnh Bình Thuận. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị Ngọc NLQ2 trình bày:

Bà là vợ ông Nguyễn Đào NLQ1, khi mẹ chồng còn sống có cho vợ chồng bà kinh doanh buôn bán tại căn nhà 75 Đường Q, A; nên hiện nay bà vẫn đang kinh doanh tại căn nhà này. Bà không liên quan gì đến việc chia thừa kế đối với căn nhà 75 Đường Q, A, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tòa án giải quyết chia nhà 75 Đường Q, A cho ai thì bà sẽ chấp hành, thu dọn hàng hóa và giao nhà cho người đó, bà không đòi hỏi hay yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đại diện Phòng công chứng số 1 tỉnh Bình Thuận trình bày:

Ngày 22/6/2004, Phòng công chứng số 01 tỉnh Bình Thuận có ra Thông báo niêm yết thỏa thuận phân chia di sản đối với nhà số 75 Đường Q, A, tỉnh Bình Thuận tại UBND phường A1, thành phố A, tỉnh Bình Thuận. Nhưng sau đó các đương sự không đến Phòng công chứng để thực hiện việc công chứng, nên Phòng công chứng không có hồ sơ công chứng đối với nhà số 75 Đường Q, A, tỉnh Bình Thuận. Phòng công chứng số 1 tỉnh Bình Thuận xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc do Tòa án triệu tập và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng măt Phòng công chứng theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận quyết định:

1. Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đào NĐ về yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đào NĐ.

2.1. Xác đinh di sản của 02 cụ Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị H là nhà và đất tại số 75 Đường Q, Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận trị giá 6.276.118.000 đồng.

- Chia di sản của 02 cụ Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị H cho các ông, bà: Nguyễn Đào BĐ, Nguyễn Đào NLQ1, Nguyễn Đào NLQ3, Nguyễn Thị Thu NLQ4, Nguyễn Đào NLQ6, Nguyễn Đào NLQ8, Nguyễn Thị Ánh NLQ7, Nguyễn Thị Diệu NLQ5 (Bùi Thị Diệu NLQ5), Nguyễn Đào NĐ, mỗi người được hưởng 01 phần bằng nhau = 627.611.800 đồng; chia cho bà Nguyễn Thị

NLQ10, anh Nguyễn Đào Vĩnh NLQ9, anh Nguyễn Đào Vĩnh NLQ11, anh Nguyễn Đào Vĩnh NLQ12, chị Nguyễn Thị Xuân NLQ13, mỗi người được hưởng 01 phần bằng nhau = 125.522.360 đồng.

- Chia bằng hiện vật: Giao cho ông Nguyễn Đào NĐ được quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở tại số 75 Đường Q, A, tỉnh Bình Thuận và có trách nhiện hoàn tiền cho các thừa kế khác; Cụ thể:

+ Hoàn lại cho các ông, bà: Nguyễn Đào BĐ, Nguyễn Đào NLQ1, Nguyễn Đào NLQ3, Nguyễn Thị Thu NLQ4, Nguyễn Đào NLQ6, Nguyễn Đào NLQ8, Nguyễn Thị Ánh NLQ7, Nguyễn Thị Diệu NLQ5 (Bùi Thị Diệu NLQ5), mỗi người 627.611.800 (sáu trăm hai bảy triệu, sáu trăm mười một nghìn, tám trăm) đồng;

+ Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị NLQ10, anh Nguyễn Đào Vĩnh NLQ9, anh Nguyễn Đào Vĩnh NLQ11, anh Nguyễn Đào Vĩnh NLQ12, chị Nguyễn Thị Xuân NLQ13, mỗi người 125.522.360 (một trăm hai mươi lăm triệu, năm trăm hai mươi hai nghìn, ba trăm sáu mươi) đồng.

- Giao phần được hưởng di sản của bà Nguyễn Thị Diệu NLQ5 cho ông Nguyễn Đào NLQ6 quản lý, ông NLQ6 có trách nhiệm giao lại cho bà NLQ5.

- Sau khi ông Nguyễn Đào NĐ đã hoàn tiền lại cho ông Nguyễn Đào NLQ1, thì ông Nguyễn Đào NLQ1, bà Lương Thị Ngọc NLQ2 phải dọn tài sản của ông NLQ1, bà Tuyết đi nơi khác để giao nhà số 75 Đường Q, A, tỉnh Bình Thuận cho ông NĐ.

- Ông Nguyễn Đào NĐ có trách nhiệm đăng ký quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo quy định của pháp luật.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu tính công sức đóng góp của ông Nguyễn Đào NĐ.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng và thông báo về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Các ngày 24/8/2018, 29/8/2018, 06/9/2018, bị đơn là ông Nguyễn Đào BĐ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đào NLQ6, bà Nguyễn Thị Thu NLQ4 cùng kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Đào NĐ và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cùng thống nhất trình bày: Sau khi xét xử sơ thẩm, kết quả định giá của tài sản tranh chấp là 6.991.574.940 đồng. Nay ông NĐ đề nghị xác định di sản của 02 cụ Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị H là nhà và đất tại số 75

Đường Q, A, tỉnh Bình Thuận trị giá 7.000.000.000 đồng; giao cho ông Nguyễn Đào NĐ được quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở tại số 75 Đường Q và có trách nhiệm hoàn tiền cho các thừa kế khác. Ông NĐ đồng ý thanh toán chi phí định giá 1.800.000 đồng. Ngoài ra, nguyên đơn còn cung cấp bản sao có công chứng chứng thực các sổ tiết kiệm để chứng minh nguyên đơn có khả năng hoàn trả kỷ phần thừa kế bằng giá trị cho các đồng thừa kế khác.

Bị đơn ông Nguyễn Đào BĐ đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, thống nhất giá trị tài sản 7.000.000.000 đồng mà ông NĐ đưa tại tại tòa. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên thời hạn cụ thể sớm nhất để ông NĐ thanh toán tiền cho các thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu NLQ4, ông Nguyễn Đào NLQ6 cùng thống nhất trình bày đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, với các lý do: Tòa án cấp sơ thẩm có những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như vợ của ông Nguyễn Đào NĐ, người sống chung trong căn nhà tranh chấp không được triệu tập với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đưa sót người tham gia tố tụng; việc thu thập chứng cứ và qui trình định giá tài sản, biên bản phiên tòa sơ thẩm không tuân thủ qui định pháp luật. Ngoài ra, ông Nguyễn Đào NĐ cũng không chứng minh được năng lực tài chính, nghi ngờ về khả năng thanh toán tiền của ông NĐ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đào NLQ1 trình bày: trong trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của ông NĐ, ông NLQ1 xin thêm thời hạn lưu cư trong căn nhà tranh chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc tài sản tranh chấp nhà và đất tại số 75 Gia Long, ấp A1, A, Bình Thuận (nay là số 75 Đường Q, A, Bình Thuận) là của cụ Nguyễn Văn Đ và cụ Nguyễn Thị H, là cha mẹ ruột của các đương sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không đồng ý về giá trị, theo kết quả định giá ở cấp phúc thẩm là 6.991.574.940 đồng. Xét thấy, trình tự, thủ tục thành lập Hội đồng định giá, định giá tài sản đã được thực hiện đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông NĐ về mức giá ông đề nghị là 7.000.000.000 đồng. Xét kháng cáo của ông NLQ6, bà NLQ4 về việc hủy án sơ thẩm nhưng đến thời điểm này cũng không cung cấp tài liệu mới chứng minh, nên kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét

xử sửa án sơ thẩm, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đào BĐ; không chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đào NLQ6 và bà Nguyễn Thị Thu NLQ4.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Phòng Công chứng số 1, tỉnh Bình Thuận có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành phiên toà phúc thẩm xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng trên.

[1.2] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc thực hiện thủ tục tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm:

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu NLQ4, ông Nguyễn Đào NLQ6 kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm đã bỏ sót người tham gia tố tụng là vợ ông NĐ và những người đang sinh sống tại căn nhà tranh chấp. Xét thấy, quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp thừa kế tài sản và yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu có liên quan đến tài sản tranh chấp. Tất cả các đương sự đều thống nhất tài sản tranh chấp là di sản thừa kế của cụ Đ và cụ H, đều yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Vợ ông NĐ và những người đang sinh sống tại căn nhà không phải là hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đ, cụ H nên không có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vợ ông NĐ và những người đang sinh sống tại căn nhà vào tham gia tố tụng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Đối với nội dung kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ đầy đủ, quy trình định giá tài sản và biên bản phiên tòa sơ thẩm không tuân thủ quy định pháp luật. Qua kiểm tra, nghiên cứu hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện thủ tục tố tụng đúng theo quy định tại Chương VII và Điều 236 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm đã ủy thác cho Tòa án cấp sơ thẩm định giá lại tài sản tranh chấp theo yêu cầu của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự đã thống nhất giá trị tài sản tranh chấp là 7.000.000.000 đồng nên lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về nội dung này không có cơ sở chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

Vợ chồng cụ Nguyễn Văn Đ (chết năm 1990) và cụ Nguyễn Thị H (chết năm 2005) có 10 người con gồm ông Nguyễn Đào BĐ, ông Nguyễn Đào NLQ1, ông Nguyễn Đào NLQ3, bà Nguyễn Thị Thu NLQ4, ông Nguyễn Đào NLQ6, ông Nguyễn Đào NLQ8, bà Nguyễn Thị Ánh NLQ7, bà Nguyễn Thị Diệu NLQ5 (Bùi Thị Diệu NLQ5), ông Nguyễn Đào NĐ và ông Nguyễn Đào H1. Ông H1 (chết năm 2009) có vợ là bà Nguyễn Thị NLQ10 và các con là ông Nguyễn Đào Vĩnh NLQ9, ông Nguyễn Đào Vĩnh NLQ11, ông Nguyễn Đào Vĩnh NLQ12 và bà Nguyễn Thị Xuân NLQ13.

Cụ Đ và cụ H chết đều không để lại di chúc. Các con của hai cụ đề thừa nhận nhà và đất tại số 75 Gia Long, ấp A1, A, Bình Thuận (nay là số 75 Đường Q, A, Bình Thuận) do mẹ cụ Đ là cụ Từ Thị T1 chia cho vào năm 1960 là tài sản chung của hai cụ, hiện do ông Nguyễn Đào NĐ quản lý, sử dụng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017), thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật Dân sự này có hiệu lực, thì thời hiệu được áp dụng theo quy định của Bộ luật này. Như vậy, thời hiệu khởi kiện chia di sản của cụ Đ và cụ H cho các đồng thừa kế vẫn còn theo quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 1 Điều 636 và điểm a khoản 1, 2 Điều 679 Bộ luật Dân sự năm 1995, phần di sản của cụ Đ và cụ H được chia bằng nhau cho những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ gồm: Ông BĐ, ông NLQ1, ông NLQ3, bà NLQ4, ông NLQ6, ông NLQ8, bà NLQ7, bà NLQ5, ông NĐ và vợ con của ông H1.

Quá trình giải quyết tại Tòa án sơ thẩm, nhà đất tại số 75 Đường Q, A, Bình Thuận đã nhiều lần được thẩm định, cụ thể như sau: Theo Chứng thư thẩm định giá của Công ty Cổ phần Tư vấn và thẩm định giá Đông Nam, giá trị của di sản là 5.725.353.000 đồng; theo Chứng thư thẩm định giá của Công ty TNHH Thẩm định giá BTA, giá trị của di sản là 7.103.001.000 đồng. Ngoài ra, ông NLQ3 và vợ con ông H1 đề nghị xác định giá là 6.000.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định giá trị nhà đất trên bằng cách tính bình quân của 03 mức giá trên, tương đương 6.276.118.000 đồng và phân chia di sản thừa kế của cụ Đ, cụ H cho những người thừa kế theo pháp luật.

[2.1] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đào BĐ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đào NLQ6, bà Nguyễn Thị Thu NLQ4 về giá trị di sản:

Tại giai đoạn phúc thẩm, ngày 22/4/2019, ông BĐ và ông NLQ6 có đơn yêu cầu định giá lại giá trị nhà đất tại số 75 Đường Q, A, Bình Thuận. Ngày

23/5/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định uỷ thác định giá tài sản số 531/2019/QĐ-UTTA cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận tiến hành định giá lại giá trị nhà đất nêu trên. Theo Biên bản định giá tài sản ngày 13/6/2019, giá trị quyền sử dụng đất là 6.732.261.000 đồng, giá trị còn lại đối với căn nhà là 259.313.940 đồng, tổng giá trị tài sản là 6.991.574.940 đồng. Tại phiên toà phúc thẩm, những người kháng cáo không đồng ý với kết quả định giá và đề nghị định giá lại tài sản.

Hội đồng xét xử xét thấy trình tự, thủ tục thành lập Hội đồng định giá, định giá tài sản đã được thực hiện đúng quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 104 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ khoản 5 Điều 104 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì: *"Việc định giá lại tài sản được thực hiện trong trường hợp có căn cứ cho rằng kết quả định giá lần đầu không chính xác hoặc không phù hợp với giá thị trường nơi có tài sản định giá tại thời điểm giải quyết vụ án dân sự"*. Xét bị đơn và những người liên quan có kháng cáo không cung cấp được chứng cứ chứng minh kết quả định giá không chính xác nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu về việc tiến hành định giá lại. Giá trị di sản được xác định theo kết qủa định giá của Hội đồng định giá do Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận thành lập theo Quyết định định giá tài sản số 16/2019/QĐ-ĐG ngày 12/6/2019.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Đào NĐ đề nghị xác định giá trị di sản do cha mẹ để lại là 7.000.000.000 đồng. Xét thấy, giá trị tài sản được ông NĐ đưa ra một cách tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và có lợi cho các đồng thừa kế nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Di sản của cụ Đ và cụ H được chia thành 10 phần bằng nhau, trong đó 09 phần cho 09 người con của hai cụ còn sống và 01 phần cho vợ con của ông H1. Giá trị mỗi phần là: 7.000.000.000 đồng : 10 = 700.000.000 đồng.

Các ông, bà Nguyễn Đào BĐ, Nguyễn Đào NLQ1, Nguyễn Đào NLQ3, Nguyễn Thị Thu NLQ4, Nguyễn Đào NLQ6, Nguyễn Đào NLQ8, Nguyễn Thị Ánh NLQ7, Nguyễn Thị Diệu NLQ5 (Bùi Thị Diệu NLQ5), Nguyễn Đào NĐ mỗi người được hưởng 700.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị NLQ10, ông Nguyễn Đào Vĩnh NLQ9, ông Nguyễn Đào Vĩnh NLQ11, ông Nguyễn Đào Vĩnh NLQ12, bà Nguyễn Thị Xuân NLQ13, mỗi người được hưởng: 700.000.000 đồng : 5 = 140.000.000 đồng

[2.2] Xét kháng cáo về việc không đồng ý giao hiện vật cho ông Nguyễn Đào NĐ:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 1995 thì những người thừa kế có quyền yêu cầu phân chia di sản bằng hiện vật, nếu không thể chia bằng hiện vật thì mới phân chia bằng giá trị tương ứng. Xét thấy

ông NĐ có yêu cầu được nhận hiện vật là chính đáng; bởi lẽ, những người thừa kế khác của cụ Đ và cụ H đã có gia đình và ở riêng, một người định cư ở nước ngoài. Ông NĐ đã ở với cha mẹ trong căn nhà trên từ nhỏ đến nay. Tòa án cấp sơ thẩm giao nhà đất cho ông NĐ và và buộc ông NĐ thanh toán kỷ phần cho các đồng thừa kế khác là có cơ sở chấp nhận. Việc đề nghị lưu cư của ông NLQ1 tại căn nhà tranh chấp sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

[2.3] Về chi phí định giá ở giai đoạn phúc thẩm là 1.800.000 đồng, ghi nhận sự tự nguyện của ông NĐ về việc chịu chi phí này, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm buộc ông NĐ hoàn trả lại cho ông BĐ số tiền 1.800.000 đồng.

[2.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đào BĐ; không chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đào NLQ6 và bà Nguyễn Thị Thu NLQ4, sửa một phần bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Các phần khác của bản án Tòa án cấp sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân không kháng nghị nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Đào BĐ, ông Nguyễn Đào NLQ6 và bà Nguyễn Thị Thu NLQ4 không phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đào BĐ; không chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đào NLQ6 và bà Nguyễn Thị Thu NLQ4.

Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Áp dụng:

- Khoản 5, khoản 11 Điều 26; Điều 37; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 104; Điều 147; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 623 và khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 636, Điều 637, Điều 677, Điều 678, Điều 679, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 1995;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án;

- Luật Thi hành án dân sự.

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông NĐ về việc tuyên bố văn bản thoả thuận phân chia di sản được niêm yết ngày 22/6/2004 của Phòng Công chứng số 1, tỉnh Bình Thuận vô hiệu.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đào NĐ.

2.1. Xác đinh di sản của 02 cụ Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị H là nhà và đất tại số 75 Đường Q, A, tỉnh Bình Thuận có giá trị là 7.000.000.000 đồng.

2.2. Chia di sản của 02 cụ Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị H thành 10 phần bằng nhau, trong đó: Các ông, bà Nguyễn Đào BĐ, Nguyễn Đào NLQ1, Nguyễn Đào NLQ3, Nguyễn Thị Thu NLQ4, Nguyễn Đào NLQ6, Nguyễn Đào NLQ8, Nguyễn Thị Ánh NLQ7, Nguyễn Thị Diệu NLQ5 (Bùi Thị Diệu NLQ5), Nguyễn Đào NĐ, mỗi người được hưởng 01 phần; 01 phần còn lại được chia đều cho bà Nguyễn Thị NLQ10, ông Nguyễn Đào Vĩnh NLQ9, ông Nguyễn Đào Vĩnh NLQ11, ông Nguyễn Đào Vĩnh NLQ12 và bà Nguyễn Thị Xuân NLQ13.

2.3. Giao cho ông Nguyễn Đào NĐ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại số 75 Đường Q, A, tỉnh Bình Thuận. Ông NĐ có trách nhiệm thanh toán kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế khác, cụ thể:

Thanh toán cho các ông, bà: Nguyễn Đào BĐ, Nguyễn Đào NLQ1, Nguyễn Đào NLQ3, Nguyễn Thị Thu NLQ4, Nguyễn Đào NLQ6, Nguyễn Đào NLQ8, Nguyễn Thị Ánh NLQ7, Nguyễn Thị Diệu NLQ5 (Bùi Thị Diệu NLQ5), số tiền phải trả cho mỗi người là 700.000.000 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Thanh toán bà Nguyễn Thị NLQ10, ông Nguyễn Đào Vĩnh NLQ9, ông Nguyễn Đào Vĩnh NLQ11, ông Nguyễn Đào Vĩnh NLQ12, bà Nguyễn Thị Xuân NLQ13, số tiền phải trả cho mỗi người là 140.000.000 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2.4. Giao phần di sản của bà Nguyễn Thị Diệu NLQ5 được hưởng cho ông Nguyễn Đào NLQ6 quản lý, ông NLQ6 có trách nhiệm giao lại cho bà NLQ5.

2.5 Sau khi ông Nguyễn Đào NĐ thanh toán tiền cho ông Nguyễn Đào NLQ1, thì ông Nguyễn Đào NLQ1, bà Lương Thị Ngọc NLQ2 phải dọn tài sản của ông NLQ1, bà Tuyết đi nơi khác để giao nhà số 75 Đường Q, A, tỉnh Bình Thuận cho ông NĐ.

2.6 Ông Nguyễn Đào NĐ có trách nhiệm đăng ký quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đào NĐ về việc yêu cầu tính công sức đóng góp, quản lý di sản.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm:

4.1. Về chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá:

Ông Nguyễn Đào NĐ phải chịu 3.082.700 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền ông NĐ đã chi trả là 12.807.000 đồng. Hoàn trả cho ông NĐ số tiền là 9.724.300 đồng.

Ông Nguyễn Đào BĐ phải chịu 3.082.700 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền ông BĐ đã chi trả là 20.020.000 đồng. Hoàn trả cho ông BĐ số tiền là 16.937.300 đồng.

Các ông bà Nguyễn Đào NLQ1, Nguyễn Đào NLQ3, Nguyễn Thị Thu NLQ4, Nguyễn Đào NLQ6, Nguyễn Đào NLQ8, Nguyễn Thị Ánh NLQ7, Nguyễn Thị Diệu NLQ5 (Bùi Thị Diệu NLQ5), mỗi người phải nộp số tiền là 3.082.700 đồng để hoàn trả cho ông NĐ và ông BĐ.

Bà Nguyễn Thị NLQ10, ông Nguyễn Đào Vĩnh NLQ9, ông Nguyễn Đào Vĩnh NLQ11, ông Nguyễn Đào Vĩnh NLQ12, bà Nguyễn Thị Xuân NLQ13, mỗi người phải nộp số tiền là 820.175 đồng để hoàn trả cho ông NĐ và ông BĐ.

4.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Đào NĐ phải chịu 32.000.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.650.700 đồng theo các Biên lai thu số 0006869 ngày 11/12/2015, số 0006892 ngày 08/4/2016 và số 0022846 ngày 05/6/2018. Ông NĐ còn phải nộp thêm số tiền là 7.349.300 đồng.

Các ông bà Nguyễn Đào BĐ, Nguyễn Đào NLQ1, Nguyễn Đào NLQ3, Nguyễn Thị Thu NLQ4, Nguyễn Đào NLQ6, Nguyễn Đào NLQ8, Nguyễn Thị Ánh NLQ7 và Nguyễn Thị Diệu NLQ5 (Bùi Thị Diệu NLQ5), mỗi người phải chịu 32.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị NLQ10, ông Nguyễn Đào Vĩnh NLQ9, ông Nguyễn Đào Vĩnh NLQ11, ông Nguyễn Đào Vĩnh NLQ12, bà Nguyễn Thị Xuân NLQ13, mỗi người phải chịu 7.000.000 đồng.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm và chi phí tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm:

5.1. Về chi phí định giá:

Buộc ông Nguyễn Đào NĐ hoàn trả lại cho ông Nguyễn Đào BĐ số tiền 1.800.000 đồng.

5.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Đào BĐ, ông Nguyễn Đào NLQ6 và bà Nguyễn Thị Thu NLQ4 không phải chịu. Hoàn trả cho ông BĐ, ông NLQ6, bà NLQ4 số tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp là 300.000 đồng theo các Biên lai thu số 0024904, 0024906, 0024905 cùng ngày 04/9/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

Các bên thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Tấn **Trần Thị Thúy Hồng** **Trần Thị Hòa Hiệp**